

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Hào;

Bà Trần Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2022/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1985; (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 108, tổ 2, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Đường 135, ấp N, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 108, tổ 2, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Minh Tâm trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị H chung sống với nhau từ năm 2005 cho đến nay. Việc chung sống giữa ông và bà H là do hai người tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương vào ngày 06/6/2005. Thời gian đầu chung sống với nhau thì hạnh phúc, nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau. Tình cảm vợ chồng của ông bị rạn nứt và không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại, cuộc sống hai vợ chồng ông không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, ông T quyết định ly hôn với bà Lê Thị H.

- Về con chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H có 02 con chung tên là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/12/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/02/2007. Hiện tại, các con đang sống cùng bà H. Nếu được Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H, ông nhường quyền nuôi con chung Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Minh T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Tiến Đ số tiền 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi con Tiến Đ đủ 18 tuổi và Nguyễn Minh T số tiền 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đến con Minh T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không thể xem xét ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử đề nghị khắc phục.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà H. Bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, xét thấy bà H không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện tại, ông Tâm và bà Hiếu không còn sống chung. Viện kiểm sát xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Tâm và bà Hiếu đã trầm trọng, không còn hàn gắn được nữa, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Ông Nguyễn Minh T và 1bà Lê Thị H có 02 con chung tên là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/12/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/02/2007. Hiện tại, hai con chung đang sống cùng bà H và nguyên đơn không có tranh chấp gì về nuôi con nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Tiến Đ số tiền 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi con Tiến Đ đủ 18 tuổi và Nguyễn Minh T số tiền 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đến con Minh T đủ 18 tuổi đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hiện bị đơn bà Lê Thị H đang thường trú tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn ông Nguyễn Minh T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91, 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và bị đơn bà Lê Thị H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, nên nguyên đơn ông Nguyễn Minh T xin ly hôn với bị đơn bà Lê Thị H.

[4] Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P ngày 27 tháng 6 năm 2022 thì ông T và bà H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Nguyên nhân phát sinh của việc tranh chấp ly hôn giữa ông T và bà H thì chính quyền địa phương không nắm rõ, do đương sự giải quyết nội bộ, cũng không trình báo sự việc hay đề nghị chính quyền địa phương can thiệp giải quyết. Hiện tại, bà H và ông T đã sống ly thân.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông T và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bị đơn bà Lê Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H có 02 con chung tên là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/12/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/02/2007.

[6.1] Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại, cháu Tiến Đ và Minh T đang sống cùng bà H và đã trên 07 tuổi.

[6.1.1] Tại biên bản lấy lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông đã được Tòa án thông báo đưa hai con chung Tiến Đ và Minh T đến Tòa án để Thẩm phán ghi nguyện vọng của con chung nhưng mẹ của các cháu không đồng ý, sợ ảnh hưởng đến việc học tập của các cháu. Hiện tại, ông T không rõ các cháu đang học lớp mấy và giáo viên chủ nhiệm là ai. Ông T đồng ý giao con chung Tiến Đ và Minh T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục khi ly hôn.

[6.1.2] Việc lấy ý kiến của con chưa thành niên từ bảy tuổi trở lên phải bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người chưa thành niên, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp và giữ bí mật cá nhân của người chưa thành niên. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/12/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/02/2007 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[6.2] Về cấp dưỡng nuôi con:

[6.2.1] Do bà Lê Thị H vắng mặt tại phiên toà nên Hội đồng xét xử không xem xét được yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Minh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6.2.2] Ông Nguyễn Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Tiến Đ số tiền 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi con Tiến Đ đủ 18 tuổi và Nguyễn Minh T số tiền 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đến con Minh T đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

[8.1] Về quan hệ hôn nhân, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung của vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8.2] Theo Công văn số 13/YC-VKS-HN ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P về việc yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ: Thu thập ý kiến của cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/12/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/02/2007. Hội đồng xét xử xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc lấy ý kiến của con chưa thành niên từ bảy tuổi trở lên phải bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người chưa thành niên, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp và giữ bí mật cá nhân của người chưa thành niên nên yêu cầu xác minh, thu thập ý kiến của hai con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/12/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/02/2007 là không cần thiết.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 và 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T đối với bị đơn bà Lê Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Lê Thị H.

3. Về con chung:

3.1 Giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/12/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/02/2007 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3.2 Ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tiến Đ số tiền 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi con Tiến Đ đủ 18 tuổi và Nguyễn Minh T số tiền 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đến con Minh T đủ 18 tuổi. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.3 Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3.4 Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do ông Nguyễn Minh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008312 ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Ân